

TRUNG TÂM DU HỌC QUỐC TẾ CÁT LÂM
當代中文課程 1 第一、二、三課成就測驗

姓名:

Bài 1. Điền từ vào chỗ trống

台灣人	f. 請
越南	g. 老婆
喜歡	h. 杯
的	i. 你們
名字	k. 妹妹

1. 她 _____ 是陳月美。
2. 王開文先生的 _____ 姓李。
3. 我 _____ 是老師。
4. 我要一 _____ 咖啡。
5. _____ 房子很漂亮。
6. _____ 很喜歡喝茶。
7. 我們都是 _____ 人。
8. 你 _____ 不 _____ 喝啤酒?
9. 歡迎你們來。 _____ 進, _____ 坐, _____ 喝烏龍茶。
10. 明華, 請問你朋友叫什麼 _____ ?

Bài 2. Sắp xếp thành câu

1. 中國人 / 不是 / 你們 / 是 / 請問

2. 台灣/的/ 好喝/ 很 /烏龍茶

3. 你爸爸 / 喝/ 喜歡 /酒 / 不 /嗎

4. 兄弟姐妹/ 都/ 牛奶/ 我/ 不 /的 /喝 /喜歡

5. 是/ 她/ 老師家/ 那/ 我/ 是/ 這/ 老師家。

6. 他們/ 都/ 兩個人/ 喜歡/ 書/ 看/ 很

7. 不/ 媽媽/ 喜歡/的 / 照相/ 同事

8. 你姐姐/要/ 國家/個/去/哪 / 讀書

9. 今天/ 喝/ 可樂/ 你/ 你好/ 不喝

10. 國/ 請/ 張伯母/ 問/ 人/ 哪/ 是

Bài 3. Đặt câu hỏi cho câu trả lời sau

1. 她爺爺叫馬安同。

?

2. 田中誠一有兩個哥哥。

?

3. 他外公外婆都是老師。

?

4. 日本有很大的圖書館，我要去日本唸書。

?

5. 我老公家有八個人，有爺爺、奶奶、爸爸、媽媽、我老公和三個弟弟。

?

6. 不是，她是我的同學。

?

7. 是的。我媽媽是美國人，我爸爸是英國人。

_____?

8. 張怡君小姐昨天先喝一瓶果汁，再看一本中國的書。

_____?

9. 我有兩張照片。

_____?

10. 週末我常在家學習。

_____?

Bài 4: Dịch những câu sau sang tiếng Trung

1. Xin lỗi, tôi không thích uống trà sữa.

2. Bức ảnh của bà nội bạn rất đẹp.

3. Tối nay bạn có muốn cùng tôi đi xem phim không?

4. Tôi cảm thấy chơi bóng chày rất vui.

5. Thứ 7 bố mẹ tôi sẽ cùng nhau đi Nhật Bản.

6. Cuối tuần các bạn thường đi chơi bóng rổ hay là đi đá bóng?

7. Chủ nhật tuần này bạn có cùng chồng đến bể bơi Nam Minh để bơi không?

8. Bạn thích khiêu vũ à, thế còn chơi nhạc thì sao?

9. Bạn cảm thấy bọn họ đá bóng thế nào?

10. Bạn thích điện thoại màu gì? màu đen hay là màu trắng?

Bài 5: Dịch những câu sau sang tiếng Việt

1. 你喜歡越南菜還是台灣菜?

2. 我聽說法國的咖啡很好喝。

3. 他今天打籃球還是打網球?

4. 好啊！看電影可以學中文。

5. 後天是週末，我們早上去踢足球，怎麼樣？

6. 媽媽，我想買一台電腦，你給我八萬七千塊錢去買三星電腦，可以嗎？

7. 我這個學期在學校的華語中心學習中文。

8. 在我的生日那一天，同學們買了很多好吃好喝的東西：一個很大的蛋糕、三瓶可樂、十五支冰淇淋、還有很多餅乾和漢堡。

9. 今天晚上媽媽煮了很多好吃的菜。

10. 我對白如玉說她來越南的時候，我會帶她去電影院看電影，看看越南的電影院和台灣的有什麼不同。
